

Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ ở tiểu học

Nguyễn Hoài Anh*, Nguyễn Văn Vương* và nhóm nghiên cứu*⁽¹⁾

*Khoa GD Tiểu học, Trường ĐHSPT, ĐH Huế

Received: 2/7/2024; Accepted: 8/7/2024; Published: 15/7/2024

Abstract: The integrated education program for landmine and explosive accident prevention at the primary school level in five central provinces of Vietnam: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, and Quảng Nam has been implemented over the past four years. This program is highly significant as many unexploded ordnances from the war remain in these areas. This paper investigates the integrated education content for landmine and explosive accident prevention at the primary school level and presents survey results to verify the current status of the implementation of this content in the primary education programs in these provinces. Based on these findings, the paper proposes several recommendations to improve the integrated education activities for landmine and explosive accident prevention in primary schools.

Keywords: Integrated education, landmine accident prevention, explosive accident prevention, primary education.

1. Đặt vấn đề

Sau chiến tranh, môi trường và con người Việt Nam đã chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bom mìn, vật nổ (BMVN) với khoảng 6,1 triệu héc ta bị ô nhiễm [1]. Chính phủ Việt Nam và các tổ chức quốc tế đã triển khai nhiều chương trình hành động, chẳng hạn chương trình hành động quốc gia nhằm khắc phục hậu quả BMVN của chính phủ [2], dự án RENEW, và nhiều hoạt động của các tổ chức CRS, MAG, NPA, ICRC, UNMAS. Việc tích hợp phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ (PTTNBMVN) vào chương trình học, đặc biệt ở cấp tiểu học (TH), đã trở thành vấn đề cấp thiết trong những năm gần đây [3]. Dự án “Hướng tới giáo dục (GD) PTTNBMVN bền vững cho học sinh TH và trung học cơ sở” do CRS thực hiện tại miền Trung Việt Nam giai đoạn 2020 – 2024 đã đạt được nhiều kết quả đáng kể. Tuy nhiên, vẫn cần những nghiên cứu cụ thể để khẳng định thực trạng và đề xuất giải pháp duy trì hoạt động GD tích hợp PTTNBMVN ở TH. Nghiên cứu của chúng tôi nhằm đánh giá thực trạng và hiệu quả của hoạt động GD tích hợp này tại các trường TH ở 5 tỉnh miền Trung Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về GD tích hợp PTTNBMVN ở TH

2.1.1. Mục tiêu: Tài liệu hướng dẫn GD PTTNBMVN cấp TH do CRS tổ chức biên soạn xác định rõ

chương trình GDPTTNBMVN góp phần hình thành, phát triển ở học sinh (HS) các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; các năng lực chung; năng lực đặc thù của các môn học có tích hợp GD PTTNBMVN trong đó chú trọng đến năng lực PTTNBMVN bao gồm: nhận thức đặc điểm, mối nguy hiểm, sự cần thiết phải PTTNBMVN; tìm hiểu đặc điểm, nguyên nhân, hậu quả và cách PTTNBMVN; vận dụng kiến thức kỹ năng vào việc PTTNBMVN.

2.1.2. Nội dung GD PTTNBMVN và yêu cầu cần đạt ở cấp TH

Nội dung GD PTTNBMVN được tích hợp vào các môn học/hoạt động GD như Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Đạo đức và Hoạt động trải nghiệm, bao gồm:

a. *Đặc điểm BMVN:* Nhận biết được hình ảnh/nêu được đặc điểm một số BMVN và biển cảnh báo nguy hiểm nơi có BMVN.

b. *Nguyên nhân và cách phòng tránh tai nạn BMVN:* Nhận biết/nêu được một số tai nạn, thương tích trẻ em thường gặp, nguyên nhân và cách phòng tránh; Thực hiện được một số cách phù hợp để PTTNBMVN; Nêu được việc nên làm, không nên làm để phòng tránh tai nạn đuối nước, đặc biệt không được tắm trong những hố bom; Nêu được những hành động an toàn, không an toàn khi nhìn thấy hoặc tiếp xúc với BMVN; Nhận biết được những nguy hiểm có thể xảy ra đối với những người làm nghề tìm phế liệu hoặc buôn bán phế liệu chiến tranh; Nêu

⁽¹⁾ Hoàng Hữu Phước, Dương Đức Lợi, Dương Thị Minh Hoàng, Trần Quang Huy, Tôn Nữ Khánh Quyên, Trần Thị Hoài, Lê Thị Loan, Nguyễn Thị Tâm, Phạm Thị Huế, Nguyễn Lê Hoàng Long

được một số tình huống liên quan đến BMVN cần tìm kiếm sự hỗ trợ.

c. Hậu quả của tai nạn BMVN: Nhận biết được hậu quả của tai nạn thương tích do BMVN gây ra; Nêu được mối nguy hiểm về BMVN còn sót lại trong lòng đất; Nhận biết được các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất do BMVN còn sót lại sau chiến tranh; Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường bao gồm việc sử dụng chất nổ để đánh cá hoặc khai thác đá.

d. Đối xử với người khuyết tật: Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn do tai nạn BMVN; Thể hiện được sự đồng cảm và sẵn sàng giúp đỡ người gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống vì tai nạn BMVN; Thể hiện được lòng biết ơn những thương binh, gia đình liệt sĩ bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân những người bị thương tật do tai nạn BMVN.

2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện GD tích hợp PTTNBMVN ở TH

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: nghiên cứu lý thuyết, bảng hỏi, phỏng vấn sâu, phương pháp chuyên gia, thống kê toán học. Dữ liệu được thu thập từ 17 cán bộ quản lý (CBQL), 178 giáo viên (GV) tại các trường TH ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam. Kết quả đạt được thông qua những tổng hợp như sau đây.

2.2.1. Về nhận thức của GV, phần lớn họ hiểu biết đúng việc GD tích hợp PTTNBMVN là “việc lồng ghép nội dung GD này vào các môn học và hoạt động GD nhằm giúp HS nắm vững kiến thức cơ bản về PTTNBMVN”. Có tới 77% GV đồng ý với cách hiểu này. 77.5% GV cho rằng GD PTTNBMVN góp phần hình thành và phát triển ở HS năng lực nhận thức về đặc điểm, mối nguy hiểm và sự cần thiết phải PTTNBMVN. Sự đồng thuận cao về các mục tiêu GD PTTNBMVN cho thấy một nhận thức chung về tầm quan trọng của việc GD an toàn BMVN trong các trường TH. GV đã nhận thấy rõ nội dung GD PTTNBMVN có thể tích hợp vào nhiều mạch nội dung của các môn học và hoạt động GD trong chương trình GD phổ thông 2018. 79.2% GV đồng ý rằng nội dung PTTNBMVN có thể tích hợp vào việc GD cảm thông và giúp đỡ người khó khăn, điều này phản ánh một sự nhận thức sâu sắc về giá trị nhân văn trong GD. Việc hiểu biết và đồng cảm với những người bị ảnh hưởng bởi tai nạn BMVN không chỉ giúp HS phát triển lòng nhân ái mà còn khuyến khích các em tham gia vào các hoạt động hỗ trợ cộng đồng.

2.2.2. Về việc thực hiện chương trình GD tích hợp PTTNBMVN, số lượng GV tham gia tập huấn về nội dung này chưa nhiều, khoảng 40% số GV được khảo sát. Một số GV vẫn thiếu sự tiếp cận đầy đủ và liên tục với các chương trình tập huấn này. Nguyên nhân chính của tình trạng này bao gồm khả năng tổ chức tập huấn còn hạn chế. Trường học với khối lượng công việc nhiều nên khó tổ chức các đợt tập huấn định kỳ, thường xuyên. Việc này cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả của việc triển khai GD tích hợp PTTNBMVN. Về phương pháp giảng dạy, kết quả khảo sát cho thấy GV đã sử dụng đa dạng các phương pháp sư phạm để tích hợp nội dung PTTNBMVN như quan sát (82%), kể chuyện (76%), thảo luận nhóm (74%). Phương pháp dạy học đóng vai và dạy học theo dự án ít được sử dụng hơn, với tỷ lệ lần lượt là 66% và 48%, có thể do nguồn lực và thời gian của GV không thuận lợi. Đa số GV tích cực sử dụng các phương tiện dạy học khác nhau trong quá trình GD tích hợp PTTNBMVN như hình ảnh (75% GV), băng hình (70%), và nguồn học liệu từ trang web của tổ chức CRS (50%). *Đánh giá hiệu quả thực hiện,* phần lớn GV nhận thấy HS hứng thú và ham học hỏi, HS hiểu, nắm chắc kiến thức về PTTNBMVN, 60% GV cho rằng HS có thể thực hiện các hành động PTTNBMVN. Hơn nữa, 80% GV cảm thấy tự tin khi thực hiện nội dung tích hợp PTTNBMVN và 75% GV đánh giá hiệu quả việc thực hiện tích hợp PTTNBMVN của mình là tốt. Về những thuận lợi và khó khăn khi triển khai, kết quả khảo sát cho thấy 90% GV nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của nội dung này trong việc bảo vệ an toàn cho HS và cộng đồng, sự linh hoạt trong chương trình GD phổ thông 2018, nguồn tư liệu hướng dẫn dạy học về nội dung PTTNBMVN cũng khá dồi dào, sự chỉ đạo, động viên, hỗ trợ từ phía CBQL cũng là một yếu tố quan trọng, giúp GV tự tin hơn, sự hỗ trợ từ phía cộng đồng và địa phương cũng góp phần không nhỏ vào việc thúc đẩy hiệu quả của GD PTTNBMVN. Dẫu vậy, vẫn có những khó khăn nhất định trong hoạt động GD tích hợp này khi 25% GV cảm thấy không nhận được sự chỉ đạo, đôn đốc thực hiện từ phía CBQL, 18% GV chưa hiểu rõ mục tiêu, ý nghĩa và cách thực hiện tích hợp PTTNBMVN, 22% GV chia sẻ việc gặp khó khăn khi thiết kế và triển khai kế hoạch bài dạy, 23% GV cho rằng họ thiếu tài nguyên và nguồn lực cần thiết, 20% GV cảm thấy rằng mình thiếu nguồn ngân sách hỗ trợ, làm hạn chế cơ hội triển khai các hoạt động GD tích hợp PTTNBMVN, 15% GV nhận thấy rằng một số HS không nhận thức đầy đủ về nguy cơ và cách

PTTNBMVN, trong khi một số phụ huynh không quan tâm đến vấn đề này.

2.2.3. *Về những đề xuất*, 85% GV cho rằng việc duy trì hoạt động GD tích hợp PTTNBMVN sau khi chương trình dự án của CRS kết thúc là rất cần thiết. Đa số GV lựa chọn tiếp tục tham gia sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm về GD tích hợp PTTNBMVN. 80% GV đồng ý rằng việc này không chỉ giúp nâng cao chuyên môn mà còn tăng cường khả năng giảng dạy hiệu quả. Bên cạnh đó, 75% GV cho biết họ có thể tiếp tục duy trì tích hợp PTTNBMVN theo tài liệu hướng dẫn của CRS. 80% GV nhấn mạnh cần có sự đồng bộ thống nhất quan điểm chỉ đạo từ các cấp. Sự cam kết phối hợp, hỗ trợ từ chính quyền địa phương và các ban ngành, đoàn thể xã hội cũng là một yếu tố quan trọng, được 75% GV đề xuất. Xây dựng kế hoạch cụ thể và lâu dài cho việc triển khai GD tích hợp PTTNBMVN được 70% GV cho là cần thiết. Việc tổ chức thường xuyên các buổi đánh giá hiệu quả triển khai GD tích hợp PTTNBMVN cũng có 65% GV đồng ý.

2.2.4. *Từ phía CBQL, về nhận thức*, 85% số người được khảo sát cho rằng việc tích hợp nội dung PTTNBMVN vào các môn học và hoạt động GD là cách tiếp cận phù hợp. CBQL có nhận thức rõ ràng về việc tích hợp nội dung GD PTTNBMVN vào chương trình giảng dạy hiện hành. Có tới 78% CBQL tin rằng việc tích hợp GD PTTNBMVN vào các môn học như Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm là cần thiết và khả thi. Hầu hết các CBQL đều đánh giá cao tinh thần và ý thức của GV trong việc thực hiện GD tích hợp PTTNBMVN. Các CBQL nhận định rằng, đa số GV đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong việc lồng ghép nội dung PTTNBMVN vào các bài học. Một CBQL chia sẻ: “Dưới sự chỉ đạo sát sao của Sở, Phòng, tôi đảm bảo rằng các GV của chúng tôi rất nhiệt tình và luôn cố gắng hết mình để truyền đạt kiến thức về PTTNBMVN cho HS một cách hiệu quả nhất”. Các ưu tiên trong chỉ đạo của CBQL bao gồm: hỗ trợ tài liệu in và tài liệu kỹ thuật số (90% CBQL), chỉ đạo chuyên môn nâng cao năng lực giảng dạy về tích hợp PTTNBMVN cho GV (85%). Ngoài ra, việc hỗ trợ lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá cũng được CBQL đánh giá cao với 75%, cùng với việc kết nối và chia sẻ kinh nghiệm giữa các GV và CBQL đạt 70%.

2.2.5. *Về hiệu quả thực hiện GD PTTNBMVN*, 85% CBQL nhận thấy GV tích cực tham gia các buổi tập huấn và sinh hoạt chuyên môn, và 75% cho biết GV đã thực hiện đúng yêu cầu trong các tiết dạy. 70%

CBQL cho biết HS hứng thú và tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa và hội thi liên quan đến PTTNBMVN, giúp tăng tính hấp dẫn và hiệu quả giáo dục. 65% CBQL nhận thấy HS nắm chắc kiến thức về nhận biết, phòng tránh tai nạn bom mìn, nhưng cần thêm thời gian và hướng dẫn để thực hành tốt hơn. CBQL cũng ghi nhận một số khó khăn như thiếu tài liệu, nguồn lực, và sự hỗ trợ từ cộng đồng và phụ huynh. Các CBQL hài lòng với kết quả hiện tại và tin rằng việc tiếp tục GD tích hợp PTTNBMVN là cần thiết để đảm bảo an toàn cho HS.

2.2.6. *Về quan điểm của CBQL trong việc duy trì GD PTTNBMVN sau khi dự án CRS kết thúc*: 100% CBQL cho rằng việc duy trì là cần thiết. Các biện pháp được đề xuất bao gồm hoàn thiện tài liệu hướng dẫn (95%), quán triệt và chỉ đạo thực hiện đồng bộ từ các cấp lãnh đạo (92%), tiếp tục tập huấn và hướng dẫn GV (88%), tăng cường dự giờ, chia sẻ kinh nghiệm (90%). Ngoài ra, 85% CBQL nhấn mạnh sự cần thiết của việc phối hợp và hỗ trợ từ các bên liên quan như chính quyền địa phương và các đoàn thể xã hội để đảm bảo hiệu quả và sự ủng hộ từ cộng đồng.

3. Kết luận

Những kết quả trên xác nhận chương trình GD PTTNBMVN tại các trường TH ở miền Trung Việt Nam đã đạt được những thành công đáng kể. Tuy nhiên, chương trình vẫn đối mặt với một số hạn chế như thiếu chuyên môn sâu, tài liệu giảng dạy, cơ sở vật chất, và sự tham gia không đồng bộ từ các bên liên quan.

Để nâng cao hiệu quả, cần có quy định bắt buộc từ các cơ quan quản lý giáo dục, đồng bộ trong nhận thức và chỉ đạo, tăng cường tập huấn và hỗ trợ GV, cải thiện cơ sở vật chất, và cung cấp đủ tài liệu. Mở rộng chương trình cho cấp trung học và tăng cường sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ cũng là yếu tố quan trọng. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan sẽ giúp khắc phục hạn chế và thúc đẩy chương trình phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Tổ chức CRS, c. S. (2023). *Tài liệu hướng dẫn Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn ở cấp tiểu học (Dành cho cán bộ quản lý và GV cấp tiểu học)*. NXB Thanh Niên, Hà Nội.
- [2]. Chính phủ. (2010). *Phê duyệt chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh 2010 – 2025*, Hà Nội
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Chương trình giáo dục phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội.